TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2026/HS-ST
Ngày 11-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Phạm Thị Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Long B - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 161/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Tây Nam V (nay là tổ dân phố N), phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số 031090005204; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và bà Đoàn Thị H; có vợ là Đỗ Thị D (đã ly hôn) và 02 con; Nhân thân: Bản án số 56/2014/HSST ngày 19/11/2014, Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2017, thi hành xong án phí, hình phạt bổ sung ngày 20/3/2015 (đã được xóa án tích); tiền án: Bản án số 17/2018/HSST ngày 15/3/2018, Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2026 (chưa

được xóa án tích), tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 01 năm 2026, chuyển tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026; có mặt.

2. Trần Ngọc Á, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1993 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố N), phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 031093019333; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 01 năm 2026, chuyển tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/01/2026, Phạm Văn T đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H tự thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tự nguyện giao nộp: 01 hộp nhựa màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước (5x7)cm (mẫu ĐT1); 01 túi nilon màu trắng kích thước (5x7)cm đựng 20 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x2)cm (mẫu ĐT2); 01 túi nilon màu trắng kích thước (6x9)cm (mẫu ĐT3) tất cả các túi nilon bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 cân điện tử màu vàng; 30 vỏ túi nilon kích thước (1,5x2)cm; 20 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm; 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu trắng. Cùng ngày, Trần Ngọc Á cũng đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Á tự nguyện giao nộp 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5)cm chứa tinh thể màu trắng (mẫu ĐT4) và 01 điện thoại iPhone X màu trắng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T và Trần Ngọc Á không thu giữ đồ vật gì liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 22/KL-KTHS ngày 08/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: Mẫu ĐT1 khối lượng 4,79 gam; mẫu ĐT2 khối lượng 4,94 gam; mẫu ĐT3 khối lượng 11,94 gam; mẫu ĐT4 khối lượng 0,33 gam đều là ma túy, loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 438/KL-KTHS ngày 03/02/2026 của Phòng K Công an thành phố H giám định điện thoại của Phạm Văn T và Trần Ngọc Á đều không có dữ liệu liên quan đến mua bán ma túy.

Kết quả xét nghiệm Phạm Văn T, Trần Ngọc Á đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra Phạm Văn T và Trần Ngọc Á, khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy, không có việc làm nên T đã nảy sinh ý định mua ma túy về chia nhỏ để sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 30/12/2025, T mua của người đàn ông tên T3 (không rõ lai lịch) 01 túi ma túy đá với giá 14.000.000 đồng ở khu vực sông G,

tổ dân phố T V, phường A. Sau đó về nhà, T dùng cân điện tử chia nhỏ ma túy vào các túi nilon kích thước (1,5x2)cm và (2,5x2,5)cm để bán. T đã bán cho nhiều người không quen biết và không nhớ cụ thể từng lần bán, có lần T không trực tiếp giao ma túy được thì nhờ Trần Ngọc Á đi giao cho khách và trả công bằng ma túy. Sáng ngày 03/01/2026, Á đang ở nhà T tại tổ dân phố T V, phường A thì có 01 nam giới đến hỏi mua 01 túi ma túy giá 500.000 đồng, T nhận tiền rồi vào nhà lấy 01 túi ma túy đá kích thước (2,5x2,5)cm đưa cho Á bảo mang ra đầu ngõ giao cho khách, sau đó T trả công cho Á 01 túi ma túy đá, Á mang về nhà một mình sử dụng hết. Ngày 05/01/2026, Á đến nhà T chơi, T cho Á 01 túi ma túy đá kích thước (2,5x2,5)cm, Á nhận túi ma túy cất giữ trong người để bán kiếm lời.

Cáo trạng số 117/CT-VKSKV2 ngày 27/8/2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Ngọc Á về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Căn cứ điểm i, q khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T mức án từ 11 năm đến 12 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Á mức án từ 48 đến 54 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo Á: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo Á do bị cáo không có tài sản, thu nhập cá nhân.

Về tiền thu lời bất chính: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao đựng trong bì giấy niêm phong số 22MT/PC09; 01 hộp nhựa màu đen; 01 cân điện tử màu vàng; 30 vỏ túi nilon kích thước (1,5x2)cm; 20 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm;

Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu trắng của Phạm Văn T.

Đề nghị trả lại Trần Ngọc Á 01 điện thoại iPhone X màu trắng;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:*

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/01/2026, tại nhà Phạm Văn T ở tổ dân phố T V, phường A, thành phố Hải Phòng, Trần Ngọc Á giúp Phạm Văn T bán 01 túi ma túy với giá 500.000 đồng. Ngày 05/01/2026, Phạm Văn T cất giữ trái phép 21,67 gam ma túy Methamphetamine; Trần Ngọc Á cất giữ trái phép 0,33 gam ma túy Methamphetamine đều nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T và Trần Ngọc Á thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt:

Bị cáo Phạm Văn T cất giữ 21,67 gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích để bán kiếm lời. Mặt khác, bị cáo có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên bị cáo Phạm Văn T phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i *(Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam),* q *(tái phạm nguy hiểm)* khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Ngọc Á giúp Phạm Văn T bán 01 túi ma túy với giá 500.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn cất giữ 0,33 gam ma túy Methamphetamine để bán kiếm lời nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo phạm tội lần này không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo Phạm Văn T ra tự thú nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Á ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo Phạm Văn T, Trần Ngọc Á đồng phạm giản đơn trong việc bán ma túy nên cần căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

Bị cáo T là người khởi xướng, cung cấp ma túy, nhờ Á đi giao ma túy; nhận tiền mua ma túy; mặt khác bị cáo T tàng trữ khối lượng ma túy lớn nên có vai trò cao nhất. Bị cáo Á là người giúp sức tích cực cho bị cáo T bán ma túy nên có vai trò thấp hơn đáng kể so với bị cáo T.

[7] Về hình phạt:

Xét, nhân thân bị cáo Phạm Văn T có 02 tiền án (trong đó: 01 tiền án đã được xóa án tích, 01 tiền án chưa được xóa án tích). Lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có 02 tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo T đã được cải tạo, giáo dục nhưng vẫn không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét, nhân thân bị cáo Trần Ngọc Á chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Phạm Văn T phạm tội có tính chất vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Do bị cáo Trần Ngọc Á không có thu nhập, tài sản cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về tiền thu lời bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận đã nhận 500.000 đồng từ việc bán ma túy. Xét, đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao đựng trong bì giấy niêm phong số 22MT/PC09; 01 hộp nhựa màu đen; 01 cân điện tử màu vàng; 30 vỏ túi nilon kích thước (1,5x2)cm; 20 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm là đồ vật Nhà nước cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu trắng là tài sản của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại iPhone X màu trắng của Trần Ngọc Á, quá trình điều tra xác minh và tại phiên tòa không có tài liệu thể hiện chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về vấn đề khác:

Trong vụ án còn có đối tượng bán ma túy cho Phạm Văn T, chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Phạm Văn T và Trần Ngọc Á khai nhận còn bán ma túy nhiều lần cho nhiều đối tượng khác nhưng không nhớ rõ thời gian và bán cho ai nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. T và Á sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm i, điểm q khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 11 (mười một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

Phạt bổ sung bị cáo phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Á phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Á 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

- *Về tiền thu lợi bất chính:* Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao đựng trong bì giấy niêm phong số 22MT/PC09; 01 hộp nhựa màu đen; 01 cân điện tử màu vàng; 30 vỏ túi nilon kích thước (1,5x2)cm; 20 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI: 354606983666302 của Phạm Văn T;

Trả lại bị cáo Trần Ngọc Á 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI: 353053091813495.

(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc phòng PC10 – Công an thành phố H theo phiếu nhập kho vật chứng ngày 07/9/2026).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Phạm Văn T và Trần Ngọc Á mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- Phòng PV06, PC10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hải Phạm Thị Vĩnh	**Phạm Tuấn Anh**